

NGHỊ QUYẾT

Về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm và năm 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ CHƯ KREY
KHÓA VII - KỲ HỌP THỨ BA**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 25/7/2025 của UBND tỉnh Gia Lai về việc giao chỉ tiêu chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội và nhiệm vụ trọng tâm năm 2025 cho các xã, phường (mới) trên địa bàn tỉnh.

Sau khi xem xét Báo cáo số 77/BC-UBND ngày 08/8/2025 và Tờ trình số 21/TTr-UBND ngày 08/8/2025 của Ủy ban nhân dân xã; báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân và ý kiến thảo luận, thống nhất của các vị đại biểu HĐND xã tại kỳ họp thứ Ba, Hội đồng nhân dân xã khóa VII.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân xã thống nhất thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế phát triển kinh tế xã hội 6 tháng cuối năm và năm 2025 trên địa bàn xã Chư Krey (*chi tiết có phụ lục kèm theo*); đồng thời nhấn mạnh một số nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu 6 tháng cuối năm 2025 như sau:

1. Nông nghiệp

- Tập trung chỉ đạo sản xuất nông nghiệp mùa vụ 2025, nhất là các loại cây trồng chủ lực của địa phương (mía, ngô, sắn,...) và cây lương thực khác; đồng thời tăng cường công tác phòng chống dịch bệnh đối với cây trồng vật nuôi.

- Tập trung phát triển đàn gia súc, gia cầm. Duy trì hoạt động theo công suất 02 dự án chăn nuôi với quy mô 2.000 con bò thịt; 24.000 con heo thịt.

- Thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ diện tích rừng hiện có; đẩy mạnh công tác phát triển rừng, nhằm góp phần cải thiện môi trường, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng đến cuối năm 2025 đạt 34,51%.

2. Công nghiệp - xây dựng

- Kiểm tra, rà soát hệ thống đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn để nghiên cứu đề xuất các danh mục cần ưu tiên đầu tư.

3. Thương mại dịch vụ

- Tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của các cơ sở thương mại, dịch vụ trên địa bàn phát triển theo hướng chuyên sâu, bền vững, thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ. Phát triển sản phẩm OCOP đạt tiêu chuẩn, có chứng nhận truy xuất nguồn gốc.

- Khuyến khích tạo điều kiện cho các doanh nghiệp cơ sở nâng cấp, mở rộng các đại lý phân phối bán buôn bán lẻ.

4. Môi trường, đất đai

- Rà soát quy hoạch xã, bố trí quỹ đất, xây dựng kế hoạch để có thể khai thác tạo nguồn thu ngân sách trong ngắn và dài hạn; trước mắt hoàn thành quy hoạch 1 khu vực ở trung tâm xã trong năm 2025 đảm bảo điều kiện đầu tư hạ tầng, tổ chức đấu giá.

- Tăng cường công tác quản lý đất đai, không để xảy ra tình trạng lấn chiếm đất đai trên địa bàn. Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, vận động nhân dân về các quy định pháp luật liên quan đến việc sử dụng đất và xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

5. Văn hóa - xã hội

- Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động trên các lĩnh vực văn hóa - xã hội. Tổ chức các hoạt động văn hóa - thể thao, kỷ niệm các ngày lễ lớn trên địa bàn, các sự kiện chính trị.

- Nâng cao chất lượng giáo dục; chuẩn bị đầy đủ điều kiện cho năm học mới 2025 - 2026: rà soát học sinh trong độ tuổi đến lớp, nhất là trẻ 5 tuổi và học sinh vào lớp 1, đảm bảo 100% trẻ em được đến trường đúng độ tuổi.

- Thực hiện tốt công tác đền ơn đáp nghĩa, đảm bảo an sinh xã hội. Quan tâm thực hiện chính sách đối với người có công với cách mạng; bảo trợ xã hội, nhất là đối với người yếu thế, người cao tuổi, người khuyết tật, người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

- Rà soát, xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai có hiệu quả công tác giảm nghèo đảm bảo giảm tỷ lệ hộ nghèo năm 2025 đạt chỉ tiêu kế hoạch giao (8,79%).

- Đẩy mạnh chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng chống dịch bệnh; tuyên truyền về vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm.

- Rà soát nhu cầu đào tạo nghề thường xuyên để tổ chức mở lớp học, nhằm giải quyết việc làm cho các đối tượng chính sách (Hộ nghèo, cận nghèo, khuyết tật, người dân tộc thiểu số,...) và người lao động trên địa bàn phù hợp với điều kiện, phát triển kinh tế của địa phương.

6. Quốc phòng, an ninh

Tăng cường công tác quốc phòng - an ninh; giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, quốc phòng quân sự địa phương trên địa bàn; Đẩy mạnh công tác phòng, chống tội phạm và các vi phạm pháp luật, các tệ nạn xã hội; kiểm chế, giảm thiểu tai nạn giao thông trên địa bàn.

7. Triển khai Nghị quyết 57-NQ/TW về KHCN, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo

Triển khai các nhiệm vụ liên quan đến Nghị quyết 57-NQ/TW và Nghị quyết 71/NQ-CP; Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các ngành chức năng để thiết lập, cập nhật, duy trì hoạt động các nền tảng, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu theo phân cấp.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm chỉ đạo triển khai thực hiện đạt và vượt Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025, góp phần thực hiện thắng lợi Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ Đại biểu HĐND xã và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân xã căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình giám sát, đôn đốc UBND xã, các ngành trong việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã thực hiện giám sát và vận động mọi tầng lớp Nhân dân thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã khóa VII - Kỳ họp thứ Ba thông qua ngày 14 tháng 8 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã;
- Các vị Đại biểu HĐND xã;
- Các cơ quan, ban ngành thuộc xã;
- Trang thông tin điện tử xã;
- Lưu VT-HĐ.



Đinh Văn Súly



PHỤ LỤC
MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU

(Kèm theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 18/8/2025 của Hội đồng nhân dân xã)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 6 tháng cuối năm 2025	Kế hoạch năm 2025
1	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm	%	7,60	7,87
	- Nông, lâm, thủy sản	%	6,45	5,70
	- Công nghiệp và xây dựng	%	8,23	11,87
	+ Công nghiệp	%	5,74	15,55
	+ Xây dựng	%	11,52	6,81
	- Dịch vụ	%	10,45	9,58
2	Tổng thu ngân sách trên địa bàn	Triệu đồng	720	1.439
3	Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ	Tỷ đồng	93,91	181,90
4	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	96,51	96,51
5	Giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều	%	8,79	8,79
6	Bảo hiểm xã hội tự nguyện	Người	47	93
7	Tạo việc làm mới	Người	60	110
8	Đào tạo nghề lao động nông thôn	Người	25	25
9	Tỷ lệ che phủ rừng	%	34,51	34,51
10	Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh	%	98,70	98,70
	<i>Trong đó: Tỷ lệ sử dụng nước sạch</i>	%	11,40	11,40
11	Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom	%	0,00	0,00
12	Tỷ lệ chất thải rắn ở nông thôn được thu gom	%	5	5
13	Giải phóng mặt bằng			
-	Số lượng công trình, dự án hoàn thành GPMB so với tổng số dự án trên địa bàn	%	100	100
14	Giảm tỷ lệ đơn khiếu nại về lĩnh vực đất đai phát sinh mới	%	70,00	70,00
15	Tỷ lệ giải quyết số vụ việc khiếu nại thuộc thẩm quyền	%	85,00	85,00
16	Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công so với kế hoạch HĐND tỉnh giao	%	100	100